

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG NHẬT 3**

Số tín chỉ : 2

Trình độ đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Khối ngành không chuyên

Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Khối ngành không chuyên

1. Tên học phần: Tiếng Nhật 3

2. Mã học phần: TNHAT 003

3. Số tín chỉ: 2 (2, 0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ 2

5. Phân bổ thời gian

- Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành

- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành học phần tiếng Nhật 2

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Đặng Thị Thanh	08333.08338	dtthanh@saodo.edu.vn

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Chữ Kanji thường dùng.

- Ngữ pháp: Cách biến đổi danh từ, tính từ sang thì quá khứ, cấu trúc so sánh của tính từ, cách sử dụng trợ từ, lượng từ, giới từ chỉ vị trí, động từ -iru, -aru.

- Từ vựng: Chủ đề gia đình, ẩm thực, giải trí, âm nhạc, thể thao, thời tiết, cảm xúc, lễ hội và địa danh.

- Kỹ năng: Luyện tập nghe, nói, đọc, viết về sở thích, giải thích lý do, mô tả sự sở hữu, tồn tại của người và sự vật, so sánh, đếm đồ vật và các hoạt động thường ngày của bản thân và đối tượng giao tiếp

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	- Đọc, viết khoảng 80 chữ Kanji đơn giản	2	[1.2.1.1b]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
	thường dùng.		
MT1.2	- Các hiện tượng ngữ pháp cơ bản: Cấu trúc câu miêu tả, so sánh với tính từ đuôi -i và tính từ đuôi -na, động từ -iru, -aru, lượng từ, các cách nói biểu thị lý do, các cách mời thể lịch sự, biến đổi danh từ, tính từ sang thì quá khứ ở các thể khẳng định, phủ định.	2	[1.2.1.1b]
MT1.3	- Từ vựng, cấu trúc câu giao tiếp về chủ đề gia đình, ẩm thực, giải trí, âm nhạc, thể thao, thời tiết, cảm xúc, lễ hội và địa danh, hỏi đường.	2	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	- Đọc và viết khoảng 80 chữ Kanji.	3	[1.2.2.3]
MT2.2	- Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về chủ đề gia đình, ẩm thực, giải trí, âm nhạc, thể thao, thời tiết, cảm xúc, lễ hội và địa danh, hỏi đường.	3	[1.2.2.3]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	3	[1.2.3.1]
MT3.2	- Tuân thủ các quy tắc giao tiếp và tôn trọng nền văn hóa bản địa và văn hóa Nhật Bản.	3	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Trình bày khoảng 80 chữ Kanji.	3	[1.3]
CDR1.2	Trình bày được từ vựng, cấu trúc diễn đạt các hoạt động giao tiếp đơn giản về chủ đề gia đình, ẩm thực,	3	[1.3]

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bố CDR học phần trong CTĐT
	giải trí, âm nhạc, thể thao, thời tiết, cảm xúc, lễ hội và địa danh, hỏi đường; cách sử dụng lượng từ ; biến đổi được động từ trong các cách nói biểu thị lý do, các cách ; cấu trúc câu miêu tả, so sánh với tính từ đuôi -i và tính từ đuôi -na, biến đổi danh từ, tính từ sang thì quá khứ ở thể khẳng định, phủ định.		
CDR2	Kỹ năng		
CDR2.1	Đọc và viết đúng chữ khoảng 80 chữ Kanji.	4	[2.8]
CDR2.2	Nghe, nói, đọc, viết về chủ đề gia đình, ẩm thực, giải trí, âm nhạc, thể thao, thời tiết, cảm xúc, lễ hội và địa danh, hỏi đường; sử dụng lượng từ để nói về số lượng sự vật, hiện tượng; Nêu được nguyên nhân, lý do của sự việc, các câu mời lịch sự, cách sử dụng động từ -iru, -aru; Miêu tả, so sánh được các đặc điểm của sự vật, hiện tượng ở thì hiện tại, quá khứ.	4	[2.8]
CDR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CDR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	4	[3.1]
CDR3.2	Có khả năng giao tiếp, truyền đạt các thông tin cơ bản trước lớp.	4	[3.1]
CDR3.3	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	[3.1]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CDR1		CDR2		CDR3		
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3
1	第9課：残念ですが 9.1. 語彙 9.2. 文法・句型 + 練習 A + 練習 B 9.3. 活動 + 会話 + 練習 C 9.4. 聴解 + 問題 9.5. 復習 + 問題	x	x	x	x	x		x

	+ 読解							
2	第 10 課：ナンプラーありますか 10.1. 語彙 10.2. 文法・文型 + 練習 A + 練習 B 10.3. 活動 + 会話 + 練習 C 10.4. 聴解 + 問題 10.5. 復習 + 問題 + 読解	x	x	x	x	x	x	x
3	漢字：第 3- 6 課 - 読み方 - 書き方 - 使い方	x	x	x		x	x	x
4	第 11 課：これ、お願いします 11.1. 語彙 11.2. 文法・文型 + 練習 A + 練習 B 11.3. 活動 + 会話 + 練習 C 11.4. 聴解 + 問題 11.5. 復習 + 問題 + 読解	x	x	x	x	x	x	x
5	第 12 課：祇園祭はどうですか 12.1. 語彙 12.2. 文法・文型 + 練習 A + 練習 B 12.3. 活動 + 会話 + 練習 C 12.4. 聴解 + 問題 12.5. 復習 + 問題 + 読解	x	x	x	x	x	x	x

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CDR1	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên
CDR2	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CDR3	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần bài tập; điểm chuyên cần	01 điểm	20%	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	01 điểm	30%	
3	Điểm thi kết thúc học phần	01 điểm	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá điểm thành phần như sau:

- Kiểm tra thường xuyên; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần bài tập; chuyên cần; vấn đáp.
- Kiểm tra giữa học phần: Vấn đáp
- Thi kết thúc học phần: Trắc nghiệm (01 bài thi, thời gian làm bài: 90 phút).

12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Từ điển, giáo trình, vở ghi, bút.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu bắt buộc:

[1] - Mina no nihongo (2019), *Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Hán tự* (Bản tiếng Việt), Nhà xuất bản trẻ.

[2] - Mina no nihongo (2019), *Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Bản tiếng Nhật*, Nhà xuất bản trẻ.

[3] - Minna no nihongo (2019), *Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Bản tiếng Việt*, Nhà xuất bản trẻ.

- Tài liệu tham khảo:

[4] - Mina no nihongo (2019), *Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Tổng hợp các bài tập theo chủ điểm*, Nhà xuất bản trẻ.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy-học

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
1	<p>第 9 課 : 残念ですが (Thật đáng tiếc) Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày từ vựng chỉ cảm xúc, mức độ, các trạng từ chỉ mức độ, số lượng, các danh từ chủ đề giải trí, sở thích: Âm nhạc, thể thao, điện ảnh; - Hiểu mẫu câu biểu thị sở thích, mong muốn, yêu, ghét. - Luyện nghe, nói, đọc, viết về cách đưa lời mời, cách từ chối, đưa lí do, biểu thị cảm xúc. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>9. 1. 語彙</p> <p>9. 2. 文法・句型</p> <ul style="list-style-type: none"> + 練習 A + 練習 B <p>9. 3. 活動</p> <ul style="list-style-type: none"> + 会話 + 練習 C <p>9. 4. 問題</p> <ul style="list-style-type: none"> + 聴解 + 復習 	6 (6 LT, 0 TH)	<p>Thuyết trình, dạy học dựa trên vấn đề, tổ chức học theo nhóm</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích từ vựng và cấu trúc câu; + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề; + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm; + Nhận xét, đánh giá. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước từ vựng, giải thích mẫu câu trang 58 - 63 tài liệu [3]; + Nghe, quan sát, ghi chép; + Giải quyết vấn đề giảng viên nêu ra; + Làm bài tập cá nhân và bài tập nhóm trang 74 - 81 tài liệu [2]; + Làm bài tập bài học 9 tài liệu [4]; + Chuẩn bị nội dung hội thoại theo yêu cầu của giảng viên. 	CĐR1.2; CĐR1.4; CĐR1.5; CĐR2.2; CĐR2.4; CĐR2.5; CĐR3.1; CĐR3.2; CĐR3.3; CĐR3.4.
2	<p>第 10 課 : ナンプラーありますか (Có nampla không ạ?) Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các giới từ chỉ vị trí; - Hiểu và phân biệt được sự khác nhau mẫu câu biểu thị vị trí, sự tồn tại của người và sự vật dùng với động từ -iru và -aru. - Luyện nghe, nói, đọc, viết về sự tồn tại của sự vật, hiện tượng tại 	6 (6 LT, 0 TH)	<p>Thuyết trình; phát vấn, tổ chức học theo nhóm</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích từ vựng và cấu trúc câu; + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề; + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm; + Nhận xét, đánh giá. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước từ vựng, giải 	CĐR1.2; CĐR1.4; CĐR2.2; CĐR2.4; CĐR3.1; CĐR3.2; CĐR3.3; CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	một địa điểm. Nội dung cụ thể: 10. 1. 語彙 10. 2. 文法・句型 + 練習A + 練習 B 10. 3. 活動 + 会話 + 練習 C 10. 4. 問題 + 聴解 + 復習		thích mẫu câu trang 64 - 69 tài liệu [3]; + Nghe, quan sát, ghi chép; + Giải quyết vấn đề giảng viên nêu ra; + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trang 82 - 89 tài liệu [2]; + Làm bài tập bài học 10 tài liệu [4]; + Chuẩn bị nội dung hội thoại theo yêu cầu của giảng viên;	
3	漢字: 第 3 ~ 6 課 (Chữ Hán: Bài 3 ~ Bài 6) Mục tiêu bài: - Trình bày qui tắc về trình tự viết các nét chữ Kanji, âm Hán - Việt, cách đọc các chữ Kanji cơ bản thường gặp; - Luyện kỹ năng đọc và viết chữ Kanji. Nội dung cụ thể: - 読み方 - 書き方 - 使い方 Kiểm tra giữa học phần	6 (4 LT, 0 TH, 2 KT)	Thuyết trình; giảng giải; dạy học dựa trên vấn đề; tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Giảng giải qui tắc về trình tự viết các nét chữ Kanji, âm Hán - Việt, cách đọc các chữ Kanji; + Phân biệt các nét viết tương đồng và khác biệt; + Hướng dẫn sinh viên đọc, viết các chữ Kanji, làm bài luyện tập. + Nhận xét, đánh giá. + Ôn tập củng cố nội dung bài 9, bài 10 tài liệu [2], chữ Kanji bài 3 đến bài 6 tài liệu [1]; + Hướng dẫn kiểm tra giữa học phần. - Sinh viên: + Đọc trước trang 35 - 54 tài liệu [1]; + Nghe, quan sát, ghi chép;	CDR1.1; CDR2.1; CDR3.1; CsDR3.2; CDR3.3; CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			<ul style="list-style-type: none"> + Giải quyết vấn đề giảng viên nêu ra; + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trang 139 - 142 tài liệu [1]; + Luyện đọc và viết đúng thứ tự các nét. + Làm bài kiểm tra giữa học phần theo yêu cầu. 	
4	<p>第 11 課 : これ、お願いします (Cái này, cho tôi gửi bằng đường biển)</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày lượng từ, danh từ chỉ đồ ăn, thực đơn; - Hiểu cách chia động từ -iru, -aru cùng các lượng từ biểu thị sự sở hữu. - Luyện nghe, nói, đọc, viết về chủ đề gửi đồ tại bưu điện, mô tả sự sở hữu sử dụng động từ -iru, -aru với danh từ chỉ người và danh từ chỉ sự vật. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>11.1 語彙</p> <p>11.2. 文法・句型</p> <ul style="list-style-type: none"> + 練習A + 練習 B <p>11.3. 活動</p> <ul style="list-style-type: none"> + 会話 + 練習 C <p>11.4. 問題</p> <ul style="list-style-type: none"> + 聴解 + 復習 	6 (6 LT, 0 TH)	<p>Thuyết trình; giảng giải; tổ chức học theo nhóm</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích từ vựng và cấu trúc câu; + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề; + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm; + Nhận xét, đánh giá. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước từ vựng, giải thích mẫu câu trang 70 - 75 tài liệu [3]; + Nghe, quan sát, ghi chép; + Giải quyết vấn đề giảng viên nêu ra; + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trang 90 - 97 tài liệu [2]; + Làm bài tập bài học 11 tài liệu [4]; + Chuẩn bị nội dung hội thoại theo yêu cầu của giảng viên. 	CĐR1.1; CĐR1.2; CĐR1.3; CĐR1.4; CĐR2.1; CĐR2.2; CĐR2.3; CĐR2.4; CĐR3.1; CĐR3.2; CĐR3.3; CĐR3.4.
5	<p>第 12 課 : 祇園祭はどうですか (Lễ hội Gion như thế nào?)</p>	6 (6 LT,	<p>Thuyết trình, tổ chức thảo luận nhóm, đặt vấn đề</p>	CĐR1.1; CĐR1.2;

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	<p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày tính từ đuôi -i và tính từ đuôi -na, danh từ, tính từ chỉ thời tiết; - Hiểu cách chia tính từ ở thì quá khứ, hiện tại và tương lai, cách nói hơn nhất dùng với tính từ; - Luyện nghe, nói, đọc, viết về lễ hội Gi-ôn sử dụng cấu trúc tính từ đã học và các mẫu câu mô tả tính chất, trạng thái, cảm xúc. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>12. 1. 語彙</p> <p>12. 2. 文法・句型</p> <ul style="list-style-type: none"> + 練習A + 練習 B <p>12. 3. 活動</p> <ul style="list-style-type: none"> + 会話 + 練習 C <p>12. 4. 問題</p> <ul style="list-style-type: none"> + 聴解 + 復習 	0 TH)	<p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích từ vựng và cấu trúc câu; + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề; + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm; + Nhận xét, đánh giá. <p>- Sinh viên</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước từ vựng, giải thích mẫu câu trang 76 - 81 tài liệu [3]; + Nghe, quan sát, ghi chép; + Giải quyết vấn đề giảng viên nêu ra; + Làm bài tập cá nhân và bài tập theo nhóm trang 98 - 109 tài liệu [2]; + Làm bài tập bài học 12 tài liệu [4]; + Chuẩn bị nội dung hội thoại theo yêu cầu của giảng viên. 	<p>CĐR1.3;</p> <p>CĐR1.4;</p> <p>CĐR1.5;</p> <p>CĐR2.1;</p> <p>CĐR2.2;</p> <p>CĐR2.3;</p> <p>CĐR2.4;</p> <p>CĐR2.5;</p> <p>CĐR3.1;</p> <p>CĐR3.2;</p> <p>CĐR3.3;</p> <p>CĐR3.4.</p>

Hải Dương, ngày 24 tháng 9 năm 2020

TRƯỞNG KHOA TRƯỞNG BỘ MÔN

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

Nguyễn Đăng Tiên

Trịnh Thị Chuyên